

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP SỬ DỤNG TRÒ CHƠI DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGÔN NGỮ CHO HỌC SINH TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nhận bài:

20 – 09 – 2015

Chấp nhận đăng:

30 – 11 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Lê Sao Mai

Tóm tắt: Thực trạng sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh (HS) của giáo viên (GV) được tiến hành khảo sát tại một số trường tiểu học thuộc các quận Liên Chiểu, Hải Châu, Thanh Khê và huyện Hoà Vang thuộc địa bàn thành phố Đà Nẵng nhằm rút ra được những thuận lợi, khó khăn và nhu cầu cụ thể của GV và HS trong khi sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt. Trên cơ sở đó, kết hợp với định hướng đổi mới chương trình và sách giáo khoa (SGK) theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học nói chung, định hướng dạy tiếng Việt theo hướng hình thành và phát triển năng lực nói riêng, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm giúp GV tổ chức có hiệu quả trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Từ khóa: trò chơi dạy học; môn Tiếng Việt; tiểu học; năng lực ngôn ngữ; thành phố Đà Nẵng

1. Giới thiệu

Đổi mới phương pháp dạy học được đặt ra trong giai đoạn hiện nay nhằm đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục. Trong đó, cấp học tiểu học là cấp học đầu tiên không chỉ dạy các em về mặt kiến thức mà còn hình thành nên kỹ năng và các thói quen học tập. Vì vậy, về mặt chiến lược lâu dài, muốn đổi mới phương pháp dạy học ở bậc đại học hiệu quả thì không thể không quan tâm đến việc đổi mới phương pháp dạy học ở bậc tiểu học.

Tiếng Việt là môn học có vai trò đặc biệt quan trọng ở bậc tiểu học, là phương tiện chủ yếu để HS tiếp thu kiến thức của các môn học khác. Môn Tiếng Việt ở tiểu học có nhiệm vụ hình thành năng lực ngôn ngữ cho học sinh thể hiện ở bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Định hướng dạy Tiếng Việt theo hướng hình thành và phát triển năng lực vừa hướng tới được tính thực tiễn của môn học vừa tạo điều kiện để thực hiện tích hợp trong dạy học.

Sử dụng trò chơi trong dạy học là một phương pháp dạy học tích cực: thông qua trò chơi học tập tạo ra bầu không khí phấn khởi, vui vẻ trong lớp học giúp cho HS tiếp thu kiến thức tự giác, tích cực; giúp HS rèn luyện, củng cố, tiếp thu kiến thức đồng thời phát triển vốn kinh nghiệm mà các em được tích lũy trong cuộc sống; phát triển tư duy nhanh nhạy, óc sáng tạo, xử lý nhanh các tình huống khi tham gia trò chơi. Ngoài ra, còn giúp phát huy năng lực cá nhân, rèn tính hòa nhập cộng đồng, nâng cao năng lực hợp tác đồng thời giáo dục ý thức tổ chức kỉ luật, có tính đồng đội khi tham gia trò chơi học tập. Tóm lại, trò chơi không chỉ là phương tiện mà còn là phương pháp giáo dục. Việc học tiếng bắt đầu từ lứa tuổi mầm non với hai kỹ năng chủ đạo là nghe và nói. Đến lứa tuổi tiểu học, hai kỹ năng còn lại là đọc và viết được chính thức hoá. Chính vì thế, việc tổ chức trò chơi chính là hoạt động cần thiết để các em dần hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, bởi việc học Tiếng Việt mà cụ thể là rèn luyện năng lực tiếng Việt cho HS không thể đặt ngoài môi trường giao tiếp.

Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực

* Liên hệ tác giả

Lê Sao Mai

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: saomai86@gmail.com

ngôn ngữ cho HS tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là cần thiết, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của việc dạy TV theo định hướng hình thành và phát triển năng lực cho người học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mục đích điều tra

Việc điều tra thực trạng trong bài viết này nhằm đánh giá được mức độ nhận thức và sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Qua đó, đánh giá những thuận lợi và khó khăn của GV trong quá trình sử dụng phương pháp trò chơi nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ. Trên cơ sở điều tra và phân tích thực trạng, tiến hành xây dựng tuyển tập trò chơi dạy học môn Tiếng Việt và đề xuất một số biện pháp sư phạm trong việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt để phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS tiểu học. Đây sẽ là nguồn tài liệu giảng dạy cho GV tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và là tài liệu học tập cho SV ngành Giáo dục Tiểu học.

2.2. Đối tượng điều tra

Việc điều tra được tiến hành đối với 129 GV đang giảng dạy tại 5 trường tiểu học thuộc huyện Hoà Vang và các quận Hải Châu, Thanh Khê, Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng, bao gồm:

- 51 GV của Trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Huệ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- 20 GV của Trường Tiểu học Bế Văn Đàn, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- 25 GV của Trường Tiểu học Núi Thành, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;
- 14 GV của Trường Tiểu học Số 2 Hoà Phước, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng;
- 19 GV của Trường Tiểu học Ngô Sĩ Liên, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2.3. Nội dung điều tra

- Tìm hiểu nhận thức của GV về bản chất, mục tiêu và tầm quan trọng của việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS.
- Tìm hiểu về mức độ, thời gian sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nói chung và trong từng phân

môn nói riêng nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS.

- Tìm hiểu về đánh giá của GV đối với thái độ của HS khi tham gia trò chơi dạy học môn Tiếng Việt.
- Tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn của việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS ở nhà trường tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2.4. Phương pháp điều tra và xử lý số liệu

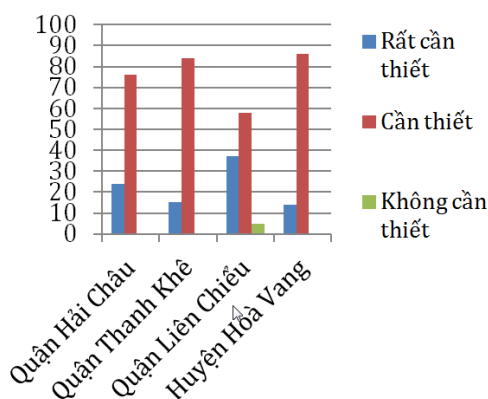
- Phương pháp điều tra an-kết (phiếu điều tra) được thực hiện dưới dạng câu hỏi đóng và mở các nội dung điều tra. Ngoài ra, phương pháp phỏng vấn được sử dụng để thu thập ý kiến một số GV đã từng sử dụng phương pháp trò chơi trong dạy học môn Tiếng Việt.
- Số liệu thu được từ phiếu điều tra được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học.

2.5. Kết quả và bàn luận

Nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả mức độ nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS

Trường	Mức độ nhận thức của GV			
	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Rất không cần thiết
	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %
Quận Hải Châu	24	76	0	0
Quận Thanh Khê	15.49	84.50	0	0
Quận Liên Chiểu	36.84	57.89	5.26	0
Huyện Hoà Vang	14.28	58.71	0	0



Hình 1. Kết quả mức độ nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc sử dụng trò chơi dạy học môn TV nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS

Từ số liệu bảng điều tra cho thấy đa số GV của cả 4 quận, huyện đều cho rằng việc sử dụng trò chơi học tập môn Tiếng Việt đóng vai trò quan trọng, cần thiết trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS. Bên cạnh đó, có một số GV còn cho rằng việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh là rất cần thiết. Nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt, GV sẽ cân nhắc sử dụng để đạt hiệu quả cao nhất trong việc truyền tải kiến thức tiếng Việt nói chung và phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS nói riêng.

Bảng 2. Kết quả khảo sát nhận thức của giáo viên về tác dụng của trò chơi dạy học môn Tiếng Việt

Các tác dụng	Mức độ				
	Rất tác dụng	Tác dụng	Bình thường	Không tác dụng	Hoàn toàn không tác dụng
	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %
(1)	49.61	44.96	4.65	0.77	0
(2)	44.18	52.71	1.55	1.55	0
(3)	41.86	54.26	2.32	0.77	0.77
(4)	34.1	48.06	16.27	0.77	0.77
(5)	31.78	46.51	17.82	3.1	0.77
(6)	31	55.81	13.17	0	0
(7)	47.28	43.41	9.3	0	0
(8)	27.9	59.68	7.75	3.1	1.55
(9)	37.98	50.38	3.75	3.1	1.55
(10)	31	57.36	10.85	0.77	0
(11)	30.23	52.71	14.72	1.55	0.77

Chú thích:

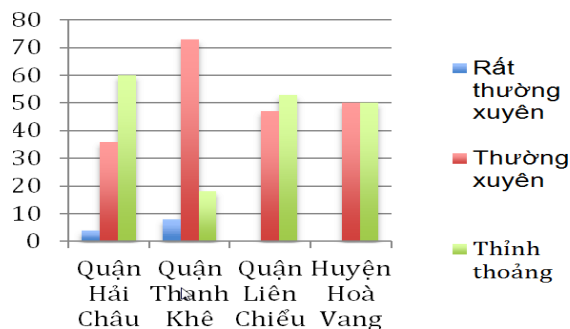
- (1): Tập trung sự chú ý của HS.
- (2): Hình thành không khí vui vẻ, hứng khởi trong học tập.
- (3): HS hiểu và vận dụng được tốt hơn kiến thức đã học vào thực tiễn sử dụng ngôn ngữ.
- (4): HS được thực hành và rèn luyện 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.
- (5): Mở rộng vốn từ và khả năng thuyết trình trước đám đông của HS.
- (6): Hình thành xúc cảm, động cơ, hứng thú học tập đối với môn học và tạo môi trường thuận lợi trong học tập.
- (7): Rèn sự tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp.
- (8): Nâng cao tương tác giữa GV và HS trong quá trình dạy học.
- (9): Rèn luyện cho HS kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ứng xử trong học tập.
- (10): Rèn luyện trí nhớ cho HS.
- (11): Phát triển tư duy sáng tạo, tìm tòi cái mới của HS

Số liệu điều tra ở Bảng 2 về nhận thức của giáo viên trong việc đối với tác dụng của trò chơi dạy học môn Tiếng Việt cho thấy GV đã nhận thức được về tác dụng của trò chơi dạy học môn Tiếng Việt khi tổ chức trên lớp. Các tác dụng được GV lựa chọn chiếm tỉ lệ cao lần lượt là: 59.98% GV đồng ý việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt có tác dụng rèn sự tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp; 57.36% GV đồng ý tác dụng rèn luyện cho HS kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ứng xử trong học tập; 55.81% GV đồng ý tác dụng HS được thực hành và rèn luyện 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt; 55.81% GV đồng ý tác dụng hình thành xúc cảm, động cơ, hứng thú học tập đối với môn học và tạo môi trường thuận lợi trong học tập; 54.26% GV đồng ý tác dụng HS hiểu và vận dụng được tốt hơn kiến thức đã học vào thực tiễn sử dụng ngôn ngữ; 52.71% GV đồng ý tác dụng hình thành không khí vui vẻ, hứng khởi trong học tập; 52.71% GV đồng ý tác dụng phát triển tư duy sáng tạo, tìm tòi cái mới của HS và 50.38% GV đồng ý tác dụng nâng cao tương tác giữa GV và HS trong quá trình dạy học. Việc nhận thức tác dụng của việc sử dụng trò chơi học tập môn Tiếng Việt trên lớp sẽ giúp GV mạnh dạn và thường

xuyên sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt khi dạy tiếng Việt cho HS.

Bảng 3. Kết quả khảo sát tần xuất sử dụng trò chơi trong dạy học môn Tiếng Việt trên lớp

Trường	Mức độ			
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %
Quận Hải Châu	4	36	60	0
Quận Thanh Khê	8.45	73.23	18.30	0
Quận Liên Chiểu	0	47.36	52.63	0
Huyện Hòa Vang	0	50	50	0

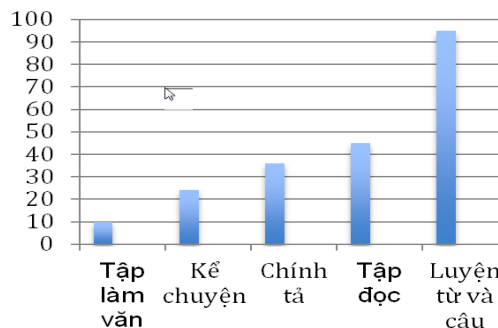


Hình 2. Tần xuất sử dụng trò chơi trong dạy học môn Tiếng Việt trên lớp

Mức độ sử dụng thường xuyên hay không trò chơi dạy học môn Tiếng Việt và cụ thể sử dụng trong từng phân môn được thể hiện trong Bảng 3 và Hình 2 cho thấy mức độ sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học không đồng đều, ít hay nhiều các trường đều có sử dụng. Mức độ sử dụng thường xuyên có tỉ lệ cao nhất là quận Thanh Khê, chiếm 73.23%; mức độ sử dụng thường xuyên ít nhất là ở quận Hải Châu, chiếm tỉ lệ 36%. Mức độ sử dụng thỉnh thoảng thấp nhất là ở quận Thanh Khê, chiếm tỉ lệ 18.30% và mức độ sử dụng thỉnh thoảng cao nhất là quận Hải Châu, chiếm tỉ lệ 60%. Đặc biệt, ở mức độ sử dụng rất thường xuyên có quận Thanh Khê chiếm 8.45% và quận Hải Châu chiếm 4%. Như vậy, quận Thanh Khê là quận có mức độ sử dụng trò chơi học tập môn Tiếng Việt thường xuyên nhất, tiếp đến là huyện Hòa Vang, quận Liên Chiểu. Quận Hải Châu là quận có mức độ sử dụng thường xuyên ít nhất.

Bảng 4. Kết quả khảo sát mức độ sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt trong từng phân môn

Phân môn	Tập đọc	Luyện từ và câu	Kể chuyện	Tập làm văn	Chính tả
	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %
	44.96	95.34	24.03	10.07	35.65



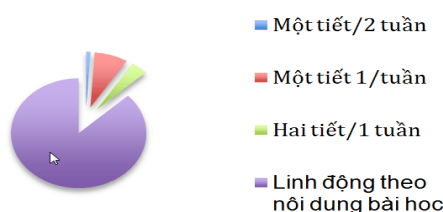
Hình 3. Kết quả khảo sát mức độ sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt trong từng phân môn

Kết quả khảo sát về việc sử dụng các phân môn trong tổ chức trò chơi dạy học môn Tiếng Việt được trình bày ở Bảng 4 và Hình 3. Phân môn *Luyện từ và câu* là phân môn được lựa chọn sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhiều nhất, chiếm 95.34%. Tiếp đến lần lượt là các phân môn *Tập đọc* chiếm 44.96%; *Chính tả* chiếm 35.65%, *Kể chuyện* chiếm 24.03% và cuối cùng là *Tập làm văn* chiếm 10.07%.

Thời gian cụ thể tiến hành trò chơi học tập môn Tiếng Việt được trình bày ở Bảng 5 và Hình 4 cho thấy thời gian tổ chức trò chơi dạy học môn Tiếng Việt trên lớp được GV linh động theo nội dung dạy học là lựa chọn đa số, chiếm 87.59%. Điều này là phù hợp với việc tiến hành soạn giáo án và lên kế hoạch giảng dạy của GV và tùy thuộc vào mức độ tiếp thu bài học của HS.

Bảng 5. Thời gian tổ chức trò chơi dạy học môn Tiếng Việt trên lớp

Thời gian	Một tiết/ 1 tuần	Hai tiết/ 1 tuần	Một tiết/ 2 tuần	Linh động theo nội dung dạy học
	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %
	7.75	3.87	0.77	87.59



Hình 4. Thời gian tổ chức trò chơi dạy học môn TV trên lớp

Về thái độ của HS khi tham gia trò chơi dạy học môn TV được GV đánh giá với kết quả được trình bày ở Bảng 6.

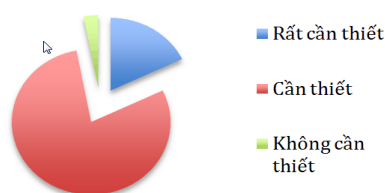
Bảng 6. Đánh giá thái độ của HS khi tham gia trò chơi học tập môn Tiếng Việt

Thái độ của HS	Số lượng	Tỉ lệ %
Hào hứng tham gia trò chơi, thông qua trò chơi để nắm nội dung và thực hành bài học	108	83.72
Thảo luận với bạn bè để giải quyết trò chơi	54	41.86
Tìm mọi cách đối phó với GV	5	3.87
Phớt lờ, không quan tâm đến trò chơi	0	0

Ngoài ra, khảo sát còn cho thấy GV đã nhận thức được việc sử dụng trò chơi học tập môn Tiếng Việt, đã tích hợp một số nội dung tri thức các môn học khác như Văn học, Đạo đức, Môi trường... thể hiện trong Bảng 7 và Hình 5.

Bảng 7. Sự cần thiết tổ chức trò chơi dạy học môn TV để tạo điều kiện thực hiện tích hợp

Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Rất không cần thiết
Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %
17.82	79.84	2.32	0



Hình 5. Sự cần thiết tổ chức trò chơi dạy học môn TV để tạo điều kiện thực hiện tích hợp

2.6. Đánh giá thuận lợi và khó khăn

Qua phân tích kết quả điều tra và quá trình trao đổi, phỏng vấn GV, một số thuận lợi và khó khăn được rút ra như sau:

a. Thuận lợi

- Tập thể GV nhận được sự quan tâm và ủng hộ của các cấp lãnh đạo từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố đến các phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện và Ban Giám hiệu các trường về việc đổi mới PPDH. GV được tìm hiểu và tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh qua các đợt tập huấn do Sở, Phòng GD & ĐT cũng như trường tổ chức.

- Một số trường tiểu học đã đầu tư các trang thiết bị, phương tiện dạy học phục vụ cho đổi mới PPDH và tạo điều kiện tốt nhất cho GV sử dụng để thực hiện tiết dạy đạt hiệu quả cao.

- Phương pháp tổ chức trò chơi trong dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh tiểu học có nhiều ưu điểm, dễ tổ chức và thực hiện, không đòi hỏi yêu cầu quá cao về cơ sở vật chất. Đội ngũ cán bộ quản lý và GV luôn nhiệt tình, ham học hỏi và luôn tự đổi mới phương pháp giảng dạy, tiếp cận nội dung chương trình cải cách kịp thời là điều kiện tốt thúc đẩy việc áp dụng phương pháp trò chơi trong dạy học môn Tiếng Việt.

- Sách giáo khoa môn Tiếng Việt có nhiều nội dung bài học phù hợp để có thể áp dụng phương pháp trò chơi, tăng cơ hội thực hành, rèn luyện kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

- Sử dụng trò chơi trong dạy học môn Tiếng Việt giúp HS hứng thú, sáng tạo với việc tìm hiểu kiến thức tiếng Việt. Đặc biệt, việc sử dụng trò chơi giúp HS được thực hành năng lực ngôn ngữ, rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong thực tế giao tiếp và sử dụng, đồng thời tích hợp được một số tri thức của các môn học khác như Văn học, Đạo đức, Môi trường... từ đó làm tăng hiệu quả của tiết học nói riêng và phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS tiểu học nói chung. Đặc biệt, các em HS yếu có cơ hội mạnh dạn hơn tham gia phát biểu trong quá trình tổ chức trò chơi, nhờ đó phát triển năng lực tiếng Việt cho HS yếu được tốt hơn.

b. Khó khăn

* *Khó khăn về chương trình và SGK*

- Có thể thấy các bài ở môn Tiếng Việt hiện nay thường nặng về lí thuyết. Ở một số bài, lượng kiến thức cần cung cấp cho HS trong một tiết học tương đối nhiều mà chưa chú trọng đến việc thực hành năng lực ngôn ngữ cho HS. HS chưa có nhiều điều kiện để gắn kiến thức về tiếng Việt với việc sử dụng tiếng Việt để thực hiện các kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết nói riêng và kĩ năng giao tiếp bằng tiếng Việt nói chung.

- Mặt khác, môn Tiếng Việt có tầm quan trọng trong chương trình tiểu học, đặc biệt là ở các lớp đầu cấp học, vì môn Tiếng Việt sẽ giúp học sinh lĩnh hội được tri thức của các môn học khác. Vì vậy, áp lực dạy học kiến thức tiếng Việt cho GV lớn, số tiết dạy trung bình trong tuần nhiều, 10 tiết mỗi tuần, thời gian cho mỗi tiết học lại tương đối ngắn (chỉ 35 phút) do đó gây khó khăn cho việc chuẩn bị và tổ chức bài dạy của GV bằng phương pháp trò chơi. Hơn nữa, thời gian một tiết học ngắn cũng ảnh hưởng đến thực hiện trò chơi cho một lớp đông HS (thường từ 35 - 40 HS).

Vì các lý do này, khi GV sử dụng phương pháp trò chơi thường sợ mất thời gian: thời gian chuẩn bị, thời gian phổ biến luật chơi, thời gian tiến hành chơi, tổng kết trò chơi...

- Một khó khăn nữa ảnh hưởng rất lớn đến việc sử dụng trò chơi trong dạy học môn Tiếng Việt là tài liệu hướng dẫn sử dụng và tuyển tập các trò chơi dạy học môn Tiếng Việt còn hạn chế, chưa phong phú, GV chưa tiếp cận được nhiều với nguồn tài liệu. Vì vậy, đa phần việc tổ chức trò chơi dạy học môn Tiếng Việt đều do GV tự tìm hiểu, tự thiết kế về cả nội dung và cách thức thực hiện, nên tốn nhiều thời gian và công sức chuẩn bị. Nếu có được tiếp cận với nguồn tài liệu nhiều hơn sẽ giúp GV tiết kiệm được thời gian và công sức trong khâu chuẩn bị, vì vậy sẽ tích cực hơn trong việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt.

* *Khó khăn về điều kiện cơ sở vật chất:*

- Trong các lớp học hiện nay, bàn ghế thường được bố trí theo dãy, nối tiếp nhau nên không thuận tiện cho việc tổ chức các trò chơi học tập nói chung và tổ chức trò chơi có hoạt động theo nhóm. Bên cạnh đó, đồ dùng trong phòng học (máy chiếu, máy tính có nối

mạng, bộ đồ chữ...) cũng chưa đáp ứng được nhu cầu của HS và GV.

- Mặt khác, số HS trong một lớp quá đông (thường 35 - 40 HS) nên rất khó cho GV tổ chức trò chơi theo hình thức cá nhân hoặc nhóm, lượng HS được tham gia vào trực tiếp trò chơi không thể hết cả lớp.

* *Khó khăn về con người*

- Về giáo viên

+ Một số GV còn chưa mạnh dạn áp dụng PPDH mới, chưa tích cực trao đổi và học hỏi kinh nghiệm từ đồng nghiệp, các lớp tập huấn chuyên môn.

+ Trình độ GV hiện nay chưa đồng đều, thời gian đầu tư cho việc thiết kế và tổ chức trò chơi học tập còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của HS.

- Về học sinh

+ Một số HS tiểu học còn thụ động trong quá trình lĩnh hội kiến thức và rèn luyện kĩ năng ngôn ngữ. Nhiều HS còn rụt rè, nhút nhát, chưa mạnh dạn trước đám đông.

+ Một số HS tham gia trò chơi học tập môn Tiếng Việt còn chưa tích cực do chưa say mê hứng thú với môn học hoặc quá rụt rè, nhút nhát.

3. Kết luận

Từ những kết quả điều tra thực trạng trên, có thể rút ra một số kết luận sau:

- GV đã có nhận thức cơ bản về định hướng dạy học môn Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực qua các đợt tập huấn do nhà trường tổ chức.

- GV đã có vận dụng tổ chức trò chơi trong dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS nhưng việc vận dụng này còn chưa nhiều, chưa được thực hiện thường xuyên.

- Đa số GV đều nhận thức được tầm quan trọng cũng như hiệu quả của việc sử dụng trò chơi trong dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS nhưng chưa có những đề xuất, biện pháp để việc vận dụng phương pháp này vào dạy học đạt hiệu quả tốt nhất.

- Trong quá trình vận dụng phương pháp tổ chức trò chơi trong dạy học môn Tiếng Việt, GV gặp một số khó khăn khi thiết kế và tổ chức trò chơi. Bên cạnh đó, những điều kiện khác như cơ sở vật chất, con người, thời gian... cũng làm hạn chế việc vận dụng phương pháp này vào việc dạy học môn Tiếng Việt của GV.

4. Đề xuất

Qua kết quả nghiên cứu trên, kết hợp với những bài học từ thực nghiệm (trải nghiệm) và ý kiến của GV và HS, chúng tôi xin đề xuất một số biện pháp và kiến nghị sau nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS.

4.1. Biện pháp

4.1.1. Sử dụng trò chơi kết hợp với các phương tiện dạy học hiện đại

Phương tiện dạy học là “những đối tượng, đồ vật, vật chất tự nhiên hoặc nhân tạo, có chức năng điều kiện, hỗ trợ, chuyển tải các hoạt động và quan hệ của GV và người học trên lớp, là công cụ phục vụ các nhiệm vụ giảng dạy và học tập [3, tr.180]. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, phương tiện dạy học ngày càng được áp dụng rộng rãi và đã phát huy tính tích cực học tập của người học.

Trong dạy học môn Tiếng Việt, ngoài các đồ dùng GV tự chuẩn bị, GV còn có thể sử dụng linh hoạt với các phương tiện dạy học hiện đại như máy tính, máy chiếu Overhead, Projector... Việc sử dụng linh hoạt các phương tiện dạy học như vậy giúp tổ chức trò chơi dạy học được sinh động, hấp dẫn, tiết kiệm thời gian và công sức của người GV. Tuy nhiên, GV cần lưu ý sử dụng các phương tiện này một cách linh hoạt, tùy theo trò chơi, theo thời gian chơi và điều kiện cơ sở lớp học, không nhất thiết trò chơi nào cũng cần sử dụng để phát huy hiệu quả tối ưu.

4.1.2. Duy trì và tạo sự hứng thú trong quá trình chơi của HS

- GV sử dụng những bài thơ vui, những bài đồng dao, những bài hát, những bản nhạc, những câu chuyện, những video clip ngắn để làm lời dẫn của trò chơi hoặc làm nền cho trò chơi để vừa tạo không khí chơi vui vẻ, thoải mái, vừa tạo hứng thú chơi cho HS nhằm thực hiện trò chơi một cách có hiệu quả.

Ví dụ trò chơi “*Chiếc hộp bí ẩn*” được thiết kế cho phần củng cố bài học ở phân môn Tập đọc. GV sẽ bắt những bài hát ngắn để HS cùng hát, trong lúc đó chiếc hộp được lần lượt chuyển tay đến các bạn HS trong lớp. Khi bài hát dừng lại, chiếc hộp đang nằm trên tay HS nào thì HS đó sẽ mở chiếc hộp, chọn một câu hỏi trong hộp đọc to và trả lời. Việc tiến hành trò chơi trên nền

bài hát như vậy tạo cho không khí lớp học tươi vui, các em HS có cảm giác như đang vừa chơi vừa trò chuyện về nội dung bài học chứ không căng thẳng như lúc GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời. Vì vậy, đem lại sự phấn chấn và hào hứng cho HS trong khi tham gia trò chơi và HS tiếp thu bài học nhanh hơn, nhớ lâu hơn, phát biểu bài mạnh dạn hơn.

- GV cần tích hợp những kiến thức về văn hoá, lịch sử, địa lý, khoa học... gắn gũi với cuộc sống thường ngày vào nội dung của trò chơi, giúp HS hào hứng tìm hiểu và tiếp nhận kiến thức mới trong quá trình chơi.

Ví dụ trò chơi “*Du lịch*” được thiết kế cho phân môn Luyện từ và câu (tuần 8 – SGK tiếng Việt 4, tập một). Trò chơi nhằm rèn luyện kỹ năng viết đúng quy tắc viết hoa tên thủ đô của một số nước trên thế giới. Trong trò chơi này, GV có thể tích hợp bằng cách giới thiệu thêm về hình ảnh của thủ đô các nước, đặc trưng văn hoá tiêu biểu của mỗi nước như món ăn, trang phục, biểu tượng... Cách lồng ghép tri thức địa lý, văn hoá như vậy giúp kiến thức bài học và kiến thức tích hợp mở rộng trở nên gần gũi, hấp dẫn, gây ấn tượng vì vậy được HS tiếp thu chủ động, tích cực nên sẽ khắc sâu hơn.

- GV vừa là trọng tài vừa là người động viên, khuyến khích và hỗ trợ HS. Trong suốt quá trình chơi, GV cần động viên khuyến khích HS trong những tình huống khó, khi HS lúng túng... nhằm giúp HS duy trì hứng thú tích cực với trò chơi, không nản chí khi gặp những câu hỏi hoặc tình huống khó. Cần động viên để tất cả các HS trong lớp tùy theo mức độ năng lực để tham gia vào trò chơi, tránh tình trạng chỉ tập trung vào một số bạn HS khá, giỏi. Bên cạnh đó, GV cũng phải là người trọng tài công minh, chính xác để tạo sự công bằng trong thi đua giữa các đội chơi. Có như vậy mới khuyến khích tinh thần tham gia nhiệt tình và tích cực của HS trong các lần chơi sau.

- Sử dụng phong phú các loại trò chơi khác nhau và nhiều hình thức chơi khác nhau. Ví dụ, cùng nội dung củng cố kiến thức trong phân môn Tập đọc, GV có thể thiết kế linh hoạt: dùng trò chơi “*Chiếc hộp bí ẩn*”, dùng ô chữ để tìm từ khoá, chia các đội chơi để đưa ra câu hỏi cho đội bạn tìm câu trả lời... Các trò chơi cần đảm bảo sự thu hút HS, tạo môi trường giao tiếp và chuyển tải được nội dung bài học hoặc nội dung cần củng cố, ôn tập. Việc làm này giúp HS luôn giữ được sự hào hứng khi tham gia trò chơi, đồng thời tránh tình trạng thiết kế

trò chơi một cách miễn cưỡng, cho có, dẫn đến không phát huy được hiệu quả dạy học.

4.1.3. Phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo của HS

- Tính tích cực, độc lập và sáng tạo của HS trong quá trình chơi được thể hiện bằng việc các em có thể tự lựa chọn, tìm kiếm những phương thức tối ưu nhất để giải quyết vấn đề nhận thức, kiểm tra đánh giá được kết quả chơi của mình và tự đưa ra quyết định phù hợp.

- Tùy thuộc vào trình độ của HS và mức độ của trò chơi, GV chọn cách tổ chức trò chơi như sau:

+ GV chọn trò chơi, hướng dẫn và tổ chức trò chơi.

+ GV chọn trò chơi, hướng dẫn trò chơi và để HS tự tổ chức trò chơi.

+ GV giới thiệu trò chơi, HS tự nghiên cứu để hướng dẫn và tự tổ chức trò chơi.

+ HS tự chọn trò chơi, tự hướng dẫn và tổ chức trò chơi.

- GV cần tạo ra sự thi đua để khuyến khích các em tham gia trò chơi với tinh thần tích cực nhất. Muốn vậy cần xây dựng thang điểm chính xác, minh bạch cho mỗi trò chơi; có chính sách thưởng phạt cho đội thắng và thua trên tinh thần vui vẻ, đoàn kết.

- Các trò chơi phải được thiết kế một cách cuốn hút, hấp dẫn, tạo những tình huống chơi có vấn đề để lôi cuốn HS vào trò chơi và kích thích sự sáng tạo của HS.

- GV cần làm trọng tài và quan sát trong suốt quá trình chơi, đặc biệt phải chú ý đến những đặc điểm của các cá nhân trong lớp để động viên khuyến khích các em. Sau mỗi trò chơi, GV cần cẩn thận ghi chép, tự rút kinh nghiệm để có thể tiến hành trò chơi đó ở những lần khác tốt hơn hoặc để thiết kế cho những trò chơi mới.

4.1.4. Phát triển kỹ năng chơi của HS

- Làm mẫu, giải thích và hướng dẫn: Muốn HS mạnh dạn tham gia trò chơi thì GV phải làm sao để HS nắm rõ được cách chơi, hiểu được luật chơi. Vì vậy, đối với những trò chơi có cách thức chơi mới hoặc có sử dụng các công cụ hỗ trợ như đồ dùng, máy tính... thì GV có thể làm mẫu, giải thích để HS quan sát và hiểu được cách chơi.

- Kiểm tra: Trong quá trình tham gia trò chơi, GV có thể kiểm tra mức độ ghi nhớ, sự nhanh nhẹn cũng như tính linh hoạt và khả năng sáng tạo của HS trong các trò chơi HS đã được làm quen với cách chơi. Việc làm này giúp HS có thể cùng đóng góp để hoàn thiện trò

chơi hoặc tự xây dựng cho mình những trò chơi đơn giản trên cơ sở những trò chơi của GV cho để có thể tự chơi hoặc chơi cùng với bạn bè trong các giờ giải lao, ôn tập.

- Quan sát và sửa sai: Trong quá trình HS chơi, GV phải thường xuyên theo dõi và kịp thời sửa sai cho HS. Việc làm này giúp cho HS được sửa sai rèn luyện các kỹ năng và cũng làm mẫu cho các HS khác.

Trong quá trình chơi, tùy theo mức độ khó dễ của trò chơi hoặc trò chơi mới hay trò chơi cũ, GV có thể yêu cầu chính HS làm trọng tài. Việc làm này giúp HS được kiểm tra cả kiến thức cũng như kỹ năng tham gia và đánh giá trò chơi.

4.1.5. Bồi dưỡng GV về nhận thức và kỹ năng thiết kế và sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt

Cần phải coi trọng việc bồi dưỡng nâng cao trình độ nhận thức của GV về tính tích cực cũng như hiệu quả của việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS tiểu học bằng các chuyên đề, các lớp tập huấn, hội thảo, cuộc thi, đề tài... Thông qua đó, tạo điều kiện cho GV có cơ hội giao lưu, học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, có thêm kinh nghiệm để xây dựng, thiết kế và tổ chức trò chơi dạy học vận dụng trong môn học của mình một cách hiệu quả.

Ngoài ra, GV còn cần rèn luyện các kỹ thuật tổ chức, quản lý trò chơi. Sử dụng trò chơi dạy học là một quá trình phức tạp: một mặt chúng là hình thức dạy học, đồng thời chúng vẫn là hoạt động vui chơi. Vì vậy, việc tổ chức trò chơi nói chung và đặc biệt là cho đối tượng HS tiểu học hiếu động và mức độ nhận thức còn hạn chế sao cho sôi nổi, hấp dẫn, lôi cuốn được HS tham gia và đạt hiệu quả giáo dục còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Nhưng có thể thấy rằng, người GV đóng vai trò quan trọng và quyết định nhất. Vì vậy, trong quá trình tổ chức trò chơi dạy học cho HS, GV cần phải biết kết hợp giữa giọng nói, điệu bộ, cử chỉ... một cách linh hoạt, có như vậy mới tạo cho người chơi cảm giác phấn khởi, hồ hởi, tham gia chơi một cách nhiệt tình nhất. Kinh nghiệm thực tế học hỏi và tích lũy trong quá trình giảng dạy và lòng yêu nghề, mến trẻ sẽ giúp các GV tổ chức thành công trò chơi học tập và mang lại hiệu quả giáo dục như mong muốn.

4.2. Kiến nghị

Chúng tôi xin đề xuất một số kiến nghị sau để việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt được phát huy hiệu quả một cách tốt nhất:

- Các nhà quản lý từ phía Sở, Bộ, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ban giám hiệu nhà trường, nhất là đội ngũ thanh tra, chuyên viên cần thấy được thực trạng này để theo dõi, hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất để GV và HS có thể tích cực và chủ động đổi mới PPDH theo hướng hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ - năng lực tiếng Việt cho người học thông qua tổ chức trò chơi dạy học môn Tiếng Việt.

- Ban giám hiệu nhà trường cần có sự liên hệ và hợp tác chặt chẽ với Phòng Giáo dục và Đào tạo để có kế hoạch tuyển sinh và xếp lớp hợp lý sao cho số lượng HS trong mỗi lớp không quá đông, có như vậy việc tổ chức các hoạt động trong lớp nói chung và tổ chức trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nói riêng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học mới có thể thực hiện thuận lợi và có hiệu quả.

- GV cần chủ động và có định hướng khi lựa chọn các nội dung kiến thức sử dụng trong trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhằm có thể tích hợp được tri thức của những môn học khác như Giáo dục đạo đức, Giáo dục công dân, tăng cường những hiểu biết về lịch sử, địa lí, kinh tế - xã hội... của đất nước.

- GV nên tự xây dựng các ngân hàng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt của trường mình bằng cách cùng đóng góp và chia sẻ tài liệu cho nhau và chia sẻ với các trường bạn. Như vậy vừa tiết kiệm thời gian thiết kế trò chơi, vừa có thể trao đổi kinh nghiệm trong dạy học, tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc đổi mới PPDH trong toàn trường và toàn thành phố.

- Các em HS yếu thường rụt rè, thiếu mạnh dạn trong quá trình học tập. Tham gia trò chơi là PPDH giúp các em HS yếu mạnh dạn tham gia vào bài học, thông qua đó

hiểu bài và thực hành bài học được tốt hơn, vì vậy, GV cần chú ý động viên các em HS yếu tham gia vào phần tổ chức trò chơi dạy học môn Tiếng Việt, tránh hiện tượng chỉ tập trung vào các đối tượng HS khá, giỏi.

- Về phía HS các em cần mạnh dạn, tự tin để tham gia vào các hoạt động trên lớp của GV tổ chức, cụ thể ở đây là trò chơi dạy học môn Tiếng Việt, có như vậy việc đổi mới PPDH mới thực sự phát huy tác dụng và có chiều sâu, HS mới rèn luyện và phát triển được năng lực tiếng Việt nói riêng và năng lực ngôn ngữ nói chung.

- Đối với giảng viên các trường sư phạm có đào tạo chuyên ngành Giáo dục Tiểu học cần giới thiệu về hình thức tổ chức trò chơi dạy học môn Tiếng Việt trong các học phần giảng dạy về tiếng Việt và PPDH tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Tài liệu tập huấn Dạy học tích hợp ở trường tiểu học, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- [2] Đỗ Việt Hùng, Dạy - học Tiếng Việt trong nhà trường theo hướng phát triển năng lực, nguvan.hnue.edu.vn, cập nhật ngày 11/12/2014.
- [3] Đặng Thành Hưng (2012), Dạy học hiện đại - Lý luận, biện pháp, kỹ thuật, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Lê Phương Nga (chủ biên) (2013), Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1, 2, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5] Bùi Phương Nga (2011), Học tích cực, Tài liệu tập huấn giáo viên, Bộ GD-ĐT.
- [6] Lê Phương Nga (2003), Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt ở tiểu học, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

THE STATUS QUO AND AND GAME SOLUTIONS IN VIETNAMESE LANGUAGE TEACHING AND LEARNING TO DEVELOP LANGUAGE COMPETENCE FOR PRIMARY SCHOOL PUPILS IN DA NANG CITY

Abstract: The status quo of using games by teachers in Vietnamese language teaching and learning to develop language competence of pupils was investigated at some primary schools in the districts of Lien Chieu, Hai Chau, Thanh Khe, Hoa Vang, Da Nang city in order to derive the advantages, disadvantages, and the specific needs in using games in Vietnamese teaching and learning, so that it helps orient for innovating curricula and textbooks in the direction of fostering learners' virtue and competence in general, shaping and developing competence in particular. This paper proposed some solutions to help teachers apply games effectively in teaching the Vietnamese language in order to develop language competence for pupils in Da Nang city..

Key words: games for teaching and learning; Vietnamese language subject; primary school; language competence; Da Nang city.